ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ LÂM NGHIỆP CỘNG ĐỒNG TẠI XÃ MAI LẠP, HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN

Nguyễn Thị Đông*, Hà Thị Thúy Vin
Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Hoạt động lâm nghiệp cộng đồng tại xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc kạn đã đem lại những lợi ích lâu dài cho cộng đồng, thu nhập từ nghề rừng tăng 13,33% so với năm 2010. Độ che phủ của rừng tăng từ 57,21% năm 2009 lên 83,9% năm 2013, giảm diện tích đất trống đồi trọc, ổn định nguồn nước, mức độ đa dạng sinh học dần được nâng cao, khắc phục tình trạng bất bình đẳng giới, tỷ lệ nữ giới tham gia các hoạt động xã hội ngày càng tăng...

Từ khóa: *Lâm nghiệp cộng đồng, rừng cộng đồng, bao vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững, xã Mai Lạp*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Lâm nghiệp cộng đồng (LNCĐ) ngày càng thể hiện vai trò của mình trong công tác quản lý và phát triển rừng bền vững. Theo FAO, LNCĐ là thuật ngữ bao trùm diễn tả hàng loạt các hoạt động gắn người dân với rừng, cây, các sản phẩm của rừng và việc phân chia lợi ích từ các sản phẩm này. Xét về khía cạnh quyền sở hữu rừng, LNCĐ ở Việt Nam thừa nhận cả hai khái niệm: quản lý rừng cộng đồng và quản lý rừng dựa vào cộng đồng [1].

Xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn có diện tích đất lâm nghiệp 3.649,00 ha, chiếm 84,66% tổng diện tích đất tự nhiên [6]. Với thế mạnh phát triển lâm nghiệp, địa phương đã triển khai giao đất, giao rừng cho cộng đồng quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có đánh giá cụ thể về hiệu quả của lâm nghiệp cộng đồng với sự phát triển kinh tế, xã hội, lâm sinh và môi trường tại xã Mai Lạp, xuất phát từ thực tế đó nhóm tác giả đã thực hiện đề tài "*Đánh giá vai trò của lâm nghiệp cộng đồng tại xã Mai Lạp - huyện Chợ Mới - tỉnh Bắc Kạn*"

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ***Phương pháp phỏng vấn:*** Phỏng vấn cán bộ xã và người dân thông qua bảng hỏi với số phiếu điều tra phát ra là 150 phiếu, thu lại 143 phiếu. Đối tượng được phát phiếu là các hộ gia đình tham gia LNCĐ ở 8 thôn trên địa bàn xã Trong đó, Bản Pá 40 phiếu, Bản Ruộc 40 phiếu, thôn Khau Ràng 20 phiếu, thôn Tổng Vụ 10 phiếu, 40 phiếu được phát đều cho các thôn còn lại.

- ***Phương pháp đánh giá vai trò lâm nghiệp cộng đồng:*** Xây dựng các chỉ tiêu đại diện cho các khía cạnh kinh tế, xã hội, lâm sinh và môi trường để đánh giá

- ***Phương pháp xử lý số liệu:*** sử dụng excel để tổng hợp số liệu điều tra.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Hiện trạng quản lý rừng cộng đồng

Tính đến năm 2013 diện tích đất rừng toàn xã Mai Lạp là 3.649 ha, với 3 hình thức quản lý rừng. Trong đó, các hộ gia đình quản lý 2316.4 ha chiếm 63,46%, cộng đồng thôn là 130,2ha chiếm 3,57% và chính quyền xã quản lý 1.202,4 ha, phần lớn là diện tích đang có tranh chấp [6].

Vai trò của Lâm nghiệp Cộng đồng tại xã Mai Lạp

Vai trò LNCĐ đối với phát triển kinh tế

Để đánh giá tác động của LNCĐ đến thu nhập người dân, nhóm nghiên cứu đã chia các hộ gia đình (HGĐ) thành 3 nhóm sau:

Nhóm I: Những HGĐ tham gia trồng rừng đã khai thác, chiếm 14,68% tổng số hộ điều tra (tất cả những hộ này đều mới khai thác một lần trung bình khai thác 1,5ha). Trung bình 1ha rừng keo sau 8 năm sẽ thu hoạch được 45

* Tel: 0987 264907

triệu đồng, với 1,5ha thu nhập trung bình của các hộ là 8,4375 triệu/hộ/năm. Bên cạnh đó, trong 2 năm đầu khi cây trồng chưa khép tán người dân trồng xen sắn đắng, sản lượng trung bình 350kg/hộ với giá 3000 đồng/kg sắn tươi, thu được 1.050.000 đồng/năm. Tiền công chăm sóc rừng trồng được hỗ trợ từ chính phủ trong 1-2 năm đầu là 500.000đồng/ha.

Ngoài ra, các hộ còn có thêm nguồn thu từ rừng tự nhiên, chủ yếu là thu nhập từ việc tận thu cây chết làm củi bán, thu nhập từ bán củi 2.400.000 đồng/hộ/năm, măng các loại 4.450.000 đồng/hộ/năm và một số lâm sản khác như mật ong, dược liệu, hương liệu, hoa quả... nhưng nguồn thu này không nhiều và khó thống kê, nên nhóm nghiên cứu chưa thực hiện trong nghiên cứu này.

Nhóm II: Những HGĐ tham gia trồng rừng nhưng chưa được khai thác gỗ, chiếm 69,23% tổng số hộ điều tra. Nguồn thu từ rừng trồng chủ yếu là sắn và khai thác các lâm sản ngoài gỗ (LSNG) từ rừng tự nhiên (củi, măng; các LSNG khác số lượng nhỏ khó thống kê nên nhóm nghiên cứu tạm thời chưa đề cập tới).

Nhóm III: Những HGĐ chỉ tham gia nhận bảo vệ rừng, chiếm 16,08% tổng số hộ điều tra. Sản lượng ngô nương thu được thuộc những hộ đã nhận đất từ khu rừng thuộc quản lý chung của cộng đồng thôn, ngô được trồng 2 vụ/năm, sản lượng bình quân đạt được 1000kg/hộ/năm, một số hộ có thêm nguồn thu từ lá dong trung bình các hộ một năm thu 1.500.000đ/hộ/năm.

Thu nhập từ lâm nghiệp của các nhóm hộ gia đình được trình bày tại bảng 1.

Số liệu bảng 1 cho thấy có sự khác nhau trong cơ cấu thu nhập từ rừng tự nhiên và rừng trồng và giữa các nhóm hộ gia đình, cao nhất là nhóm I đạt 14.937.000 đồng/hộ/năm. Điều này cho thấy thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp đã đóng góp vào sinh kế của người dân. Thu nhập bình quân đầu người từ hoạt động lâm nghiệp của nhóm I là 3.970.588 đồng/người/năm, chiếm 44,12% so với tổng thu nhập bình quân đầu người chung toàn xã; tương tự nhóm II là 2.755.434 đồng/người/năm chiếm 30,62% và nhóm III là 2.905.892 đồng/người/năm, chiếm 32,29%.

Bảng 1. *Thu nhập từ lâm nghiệp trong 1 năm đối với các nhóm hộ*

Stt	Nguồn thu	Sản lượng	Đơn vị	Đơn giá	Đơn vị	Thành tiền (đồng)
	Nhóm 1					**14.937.000**
1.1	Khai thác gỗ keo	1,5	ha	5.625.000	đồng/ha	8.437.000
1.2	Sắn	350	kg	3.000	đồng/kg	1 050.000
1.3	Hỗ trợ công chăm sóc	2	ha	500.000	đồng/ha	1000.000
2.1	Củi	1,5	m^3	300 000	đồng/m^3	450.000
2.2	Măng	500	kg	8.000	đồng/kg	4.000.000
	Nhóm 2					**8.000.000**
1.1	Sắn đắng	350	kg	3000	đồng/kg	1.050.000
1 2	Hỗ trợ công chăm sóc	2	ha	500.000	đồng/ha	1000.000
2 1	Củi	5	m^3	300 000	đồng/m^3	1.500.000
2 2	Măng	500	kg	8000	đồng/kg	4 000.000
		100	kg	4500	đồng/kg	450.000
	Nhóm 3					**10.250.000**
1	Măng nứa	300	kg	8.000	đồng/kg	2.400.000
	Măng Măng vầu	100	kg	3 500	đồng/kg	350.000
2	Lá dong	10.000	lá	150	đồng/lá	1.500.000
3	Ngô nương	1	Tấn	4.500	đồng/kg	4.500.000
4	Củi	5	m^3	300.000	đồng/m^3	1.500.000

Nguồn: số liệu điều tra năm 2013

Tính trung bình cho cả 3 nhóm hộ là 3.210.638 đồng/người/năm chiếm 35,67% tổng thu nhập (theo thống kê của xã tổng thu nhập bình quân đầu người toàn xã là 9.000.000 đồng/người/năm [3]). Tăng 13,33% so với năm 2010 (thu nhập từ rừng 2.740.600 đồng/hộ/năm chiếm 22,34% tổng thu nhập [4]). Tuy có sự tăng lên đáng kể, song thu nhập từ rừng còn thấp và không đồng đều vì địa bàn cách xa trung tâm việc đi lại khó khăn giá thành sản phẩm bán ra không cao.

Vai trò LNCĐ đối với lâm sinh học và bảo vệ môi trường

Nâng cao độ che phủ của rừng

Hình 1 cho thấy, diện tích rừng phòng hộ không có sự thay đổi từ năm 2005 đến 2013 vẫn là 59.88 ha. Diện tích rừng sản xuất tăng 77,1 ha so với năm 2011 và tăng 123,76 ha so với năm 2005. Trong đó, diện tích rừng trồng tăng 281,07 ha so với năm 2011 và tăng 650.61 ha so với năm 2005 [6]. Nguyên nhân sự biến động đất rừng sản xuất là do chuyển đổi từ đất đồi chưa sử dụng sang đất rừng sản xuất. Điều này cho thấy việc giao đất rừng cho cộng đồng và công tác làm giàu và phát triển rừng đã có tác động tích cực đến ý thức của người dân.

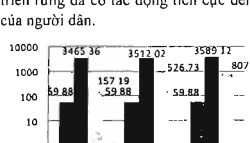

Hình 1. *Biến đổi sử dụng đất rừng [6]*

Với mục tiêu bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, phát triển rừng mới bằng các biện pháp lâm sinh như trồng rừng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng, công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng ở Mai Lạp đã có những chuyển biến tích cực. Việc đánh giá tác động của LNCĐ đến môi trường theo số liệu của Hạt Kiểm lâm huyện cho thấy tỷ lệ tăng trưởng rừng bình quân là 0,5%, tương đương 0,39 m^3/năm. Mức độ che phủ của rừng khá cao và tăng theo từng năm, từ 57,21% năm 2009 lên 59,35% năm 2011và năm 2013 độ che phủ của rừng đạt 83,9%, cao hơn so với mặt bằng chung toàn huyện (69%)[2].

Tác động của LNCĐ tới môi trường nước, đất

Theo kết quả điều tra, có 88,81 % các hộ trả lời hiện tại nguồn nước cung cấp đủ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Năm 2012, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh là 85%. Số hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt từ nước suối giảm từ 80% năm 2002 xuống 0,3% năm 2012 [5]. 53,14% các hộ được hỏi cho rằng mức độ xói mòn đất giảm. Cán bộ phụ trách Lâm nghiệp xã cho rằng, chất lượng rừng đã nâng lên rõ rệt, biểu hiện cụ thể bằng mắt thường có thể nhìn thấy được, hệ thực vật tái sinh phát triển tốt, xuất hiện nhiều tầng tán và thảm tươi. Đây là yếu tố quan trọng trong việc làm giảm sức công phá của nước mưa rơi xuống bề mặt đất đồng thời làm giảm tốc độ dòng chảy, hạn chế xói mòn đất và tăng khả năng giữ nước của rừng. Tuy nhiên có 39,16% số hộ cho rằng mức độ xói mòn và chất lượng đất không thay đổi, 7,70% cho rằng đất xấu hơn. Đây là những hộ nhận đất có độ dốc cao nên chịu ảnh hưởng của xói mòn và do chưa áp dụng đúng biện pháp canh tác.

Như vậy , đa số các hộ đều cho rằng mức độ xói mòn đất giảm, chất lượng đất tốt hơn.Tuy nhiên, mức độ tác động chưa rõ nét và có thể trong vài năm tới khi rừng khép tán tác động của rừng sẽ rõ nét hơn trong bảo vệ đất.

Tăng tính đa dạng sinh học

Trong vài năm trở lại đây, rừng bắt đầu phục hồi. Tầng lớp tái sinh kể cận phong phú về chủng loại, phát triển nhanh mạnh và ổn định. Ngoài ra, công tác làm giàu rừng đã đưa nhập một số loài động vật, nhiều loại cây mới kết hợp với cây bản địa làm phong phú hơn cơ cấu cây trồng, phong phú các loài động vật làm tăng ý nghĩa đa dạng sinh học của rừng Một dấu hiệu ghi nhận rõ nét nhất tại địa phương là sự xuất hiện trở lại của gà rừng, sóc và hươu, trong 2-3 năm gần đây số lượng và tần suất bắt gặp ngày càng nhiều.

Vai trò của LNCĐ về mặt xã hội

Mức độ tham gia quản lý rừng cộng đồng

Mức độ người dân tham gia quản lý rừng cộng đồng được thể hiện qua nhiều hoạt động như tham gia chương trình giao đất giao rừng (GĐGR) đạt tỷ lệ 96,75%, tuần tra bảo vệ rừng theo hình thức 7-8 hộ lập thành 1 tổ, định kỳ 1 lần/tháng với 4-5 người/lần tham gia. Khoảng 80,42% số người được hỏi cho rằng họ tham gia đầy đủ các lần tuần tra rừng định kỳ chung của tổ, ngoài ra việc kiểm tra rừng của riêng từng hộ thì tần xuất kiểm tra dày hơn rất nhiều. Có 18,88% số người cho biết họ không tham gia đầy đủ các đợt tuần tra rừng vì nhiều lý do (ốm đau, ít nhân lực…) và 0,7% còn lại không thường xuyên tham gia và cho rằng từng hộ gia đình đều thường xuyên kiểm tra, chăm sóc diện tích gia đình đã nhận. Như vậy, người dân tham gia công tác triển khai GĐGR và tham gia tuần tra rừng định kỳ với tỷ lệ cao, chứng tỏ họ đã thực sự quan tâm, nhận thức được quyền lợi, trách nhiệm cũng như vai trò và lợi ích từ rừng.

Tập huấn về quản lý rừng, kỹ thuật canh tác nông lâm nghiệp

Từ năm 2008 đến nay trên địa bàn xã đã tổ chức được 8 lớp tập huấn cho hơn 800 người theo chương trình 661, 135; các dự án như dự án 3PAD, dự án "Quản lý bền vững đất rừng ở vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao tại tỉnh Bắc Kạn" và dự án 147. Thành lập được 13 nhóm làm vườn ươm cây lâm nghiệp, tuyên truyền phổ biến pháp luật được 293 lượt người trong công tác quản lý và bảo vệ phòng cháy chữa cháy rừng, công tác tuyên truyền luật bảo vệ và triển rừng.

Tác động của LNCĐ đến phân công lao động theo giới và xóa đói giảm nghèo

Theo kết quả khảo sát về sự tham gia của nữ giới trong các hoạt động lâm nghiệp và hoạt động xã hội, 50% các hộ được hỏi trả lời là trong gia đình phụ nữ có tham gia các lớp hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng. Trong các buổi họp thôn, 90% các hộ được hỏi cho rằng phụ nữ tham gia họp chiếm 30-50%; 10 % còn lại cho rằng tỷ lệ này là từ 10-30% so với tổng số người tham gia.

Tỷ lệ hộ nghèo tham gia vào LNCĐ cao chiếm trên 50%. Tỷ lệ hộ nghèo trong xã giảm từ 54,6% (năm 2008) xuống 52,9% (năm 2012) và 47,2% (năm 2013) [4]. Tỷ lệ hộ nghèo giảm là do các chính sách và chương trình như chính sách giao đất giao rừng, chính sách khuyến nông, khuyến lâm, các chương trình xóa đói giảm nghèo của Nhà nước (Chương trình 134, 135)... Tuy nhiên rất khó khăn trong việc tách bạch ảnh hưởng của các chương trình này.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ LNCĐ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Giải pháp về công tác giám sát thực hiện việc giao đất, giao rừng và quản lý rừng

Kiểm tra, rà soát thực tế ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp của các HGĐ, giải quyết những tồn tại vướng mắc, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định

Xây dựng quy chế hưởng lợi và xử phạt rõ ràng đối với diện tích rừng do cộng đồng thôn quản lý.

Ban lâm nghiệp xã phối hợp với kiểm lâm địa bàn giám sát việc khai thác và hỗ trợ cộng đồng hoàn thành thủ tục khai thác gỗ

Các giải pháp quản lý tài nguyên rừng cần phát triển theo hướng kết hợp hoạt động bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng với hoạt động sản xuất

Tăng cường tuyên truyền giáo dục để nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế, sinh thái của rừng và khả năng phục hồi những giá trị đó cho phát triển kinh tế

Giải pháp hỗ trợ kỹ thuật

Nghiên cứu xây dựng mô hình kinh doanh rừng hiệu quả cao

Cung cấp những biện pháp kỹ thuật nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp nhằm giảm sức ép của cộng đồng vào tài nguyên rừng

Tăng cường hoạt động khuyến nông, khuyến lâm tại các thôn

Áp dụng các mô hình sản xuất nông lâm kết hợp: Rừng tái sinh tự nhiên (ưu tiên phát triển rừng vầu, nứa); Cây keo + sắn đắng (2 năm đầu khi keo chưa khép tán); Cây mỡ + sắn đắng (2 năm đầu khi cây mỡ chưa khép tán)

Bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế cho các hộ gia đình, cung cấp thông tin về thị trường giá cả để cho các hộ có quyết định chính xác trong sản xuất kinh doanh.

Hỗ trợ sinh kế

Hỗ trợ vốn để phát triển cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao, phát triển ngành nghề, tăng thu nhập, giảm sức ép lên rừng.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh doanh tổng hợp nghề rừng.

Đầu tư phát triển thêm diện tích rừng có giá trị kinh tế ở đất chưa sử dụng.

Đầu tư phát triển các hoạt động lồng ghép mục tiêu bảo tồn rừng với phát triển kinh tế.

Đầu tư phát triển thị trường lâm sản, tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm.

KẾT LUẬN

LNCĐ tại xã Mai Lạp có hiệu quả đáng kể về kinh tế, xã hội và môi trường.

Sinh kế của người dân có nhiều thay đổi trong thời gian qua, thu nhập từ nghề rừng tại khu vực điều tra đạt 3.210.638 đồng/người/năm, chiếm 35,67% tổng thu nhập tăng 13,33% so với năm 2010. Vai trò LNCĐ đối với phát triển kinh tế không nhiều, song đây là tiền đề cho một sinh kế bền vững vào những giai đoạn sau. Độ che phủ của rừng tăng từ 57,21% năm 2009 lên 83,9% năm 2013 Giảm diện tích đất trống đồi trọc, ổn định nguồn nước, mức độ đa dạng sinh học dần được nâng cao. Khắc phục tình trạng bất bình đẳng giới, tỷ lệ nữ giới tham gia các hoạt động xã hội ngày càng tăng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, *Cẩm nang ngành lâm nghiệp - chương Lâm nghiệp cộng đồng*. 2006

2. Hạt Kiểm lâm Chợ Mới, *Báo cáo tổng kết công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng năm 2013*, tháng 12 năm 2013

3. Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc (ADC)- Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, *Báo cáo sơ kết Dự án "Quản lý bền vững đất rừng ở vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao tại tỉnh Bắc Kạn"* giai đoạn 2010-2012.

4. Ủy ban nhân dân xã Mai Lạp, *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội* các năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013

5. Ủy ban nhân dân xã Mai lạp, *Báo cáo kết qua Chương trình mục tiêu Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*, 2012.

6. Ủy ban nhân dân xã Mai Lạp, *Quy hoạch nông thôn mới xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn* giai đoạn 2011-2020

SUMMARY

ASSESSMENT ON COMMUNITY FORESTRY ROLE IN MAI LAP COMMUNE, CHO MOI DISTRICT, BAC KAN PROVINCE

Nguyen Thi Dong*, Ha Thi Thuy Vin
College of Science - TNU

Community Forestry (CF) in Vietnam is becoming the method of forest management which the state encouraging development. CF activities in the Mai Lap Commune, Cho Moi District, Bac Kan Province has brought lasting benefits to the community, income from forestry activities account for 35.67% of total income 13.33% increase compared to 2010 forest cover increased from 57.21% in 2009 to 83.9% in 2013, reducing the area of bare land, water stability, the level of biodiversity is gradually improving, also reduce the gender inequality, women's rate of participation in social activities is increasing.

Key words: *Community forestry, communal forest, forest protection and development, sustainable forest management, Mai Lap Commune*

Ngày nhận bài 25/9/2014; Ngày phản biện 06/10/2014; Ngày duyệt đăng: 30/01/2015
Phản biện khoa học: *TS. Ngô Văn Giới – Trường Đại học Khoa học - ĐHTN*

* *Tel: 0987 264907*